TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/4/2022
"V/v: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Nguyễn Thị Xuân Hồng***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông ***Trần Phan Quốc Chương***.
2. Bà ***Lê Thị Toan***.

- ***Thư ký phiên tòa***: bà ***Phạm Thị Ngọc Yến*** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Bà ***Trần Thị Thắng Trinh*** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 580/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021, về tranh chấp: "Yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Ngọc K**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số 12 Cô G , tổ 13, phường Hoa L , TP.P , tỉnh G, có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Võ Chí T** , sinh năm 1987.

Địa chỉ: số 14 Lê Quý Đ , tổ 4, phường I, TP.P , tỉnh G, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Phạm Thị Ngọc K trình bày:

Tôi và anh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phổ T, huyện Đức P, tỉnh Q vào năm 2011. Quá trình chung giữa vợ chồng chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì anh T sống không có trách nhiệm với gia đình và vợ con, thường xuyên có mối quan hệ bất chính với những phụ nữ khác, sau đó anh T ngang nhiên công khai mối quan hệ nói trên, chuyển hẳn sang sinh sống với phụ nữ khác, thỉnh thoảng mới về nhà, vì không thể tiếp tục cuộc sống như vậy nên tôi và anh T đã sống ly thân và tôi đã dọn ra ngoài sống

riêng từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay, hiện chúng tôi không còn ai quan tâm đến ai và tình cảm cũng không thể níu kéo. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Tôi yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Võ Chí T.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung:

1. Võ Thiên H, sinh ngày 08/7/2011.

2. Võ Thiên P, sinh ngày: 31/01/2014.

Ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cháu Võ Thiên P, sinh ngày: 31/01/2014 và giao cháu Võ Thiên H, sinh ngày 08/7/2011 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Võ Chí T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc K.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh G tham gia phiên tòa:

* Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị HĐXX Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Phạm Thị Ngọc K và anh Võ Chí T được ly hôn và giao con chung là cháu Võ Thiên P, sinh ngày: 31/01/2014 cho chị Phạm Thị Ngọc K trực tiếp chăm sóc giáo dục và giao cháu Võ Thiên H, sinh ngày 08/7/2011 cho anh Võ Chí T chăm sóc giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố P nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Phạm Thị Ngọc K có đơn yêu cầu tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Võ Chí Tân, cư trú tại: 14 Lê Quý Đ, tổ 4, phường I TP.P, tỉnh G. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là anh Võ Chí T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Ngọc K và anh Võ Chí T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và và được Ủy ban nhân dân xã Phổ T, huyện Đức P, tỉnh Q vào năm 2011 Giấy chứng nhận kết hôn số 240 ngày 16/12/2011, tại quyển số 01/2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị K và anh T là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị K cho rằng giữa vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi và nhau, vợ chồng anh chị đã cố gắng hòa giải nhưng không thể hàn gắn được, hiện vợ chồng anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo biên bản xác minh ngày 24/11/2021 (Bút lục số 24) có xác nhận của công an phường I, TP.P, tỉnh G xác nhận anh T có đăng ký hộ khẩu tại tổ 3, phường I, hiện anh T đang thuê nhà tại 14 Lê Quý Đ, tổ 4, phường I là nhà trọ của anh S, hiện anh T có mặt tại nhà trọ.

Sau khi tòa án thụ lý vụ án và đã tiến hành thông báo cho anh T và mặc dù anh T đã nhận các thông báo hợp lệ về việc chị Phạm Thị Ngọc K yêu cầu được ly hôn với anh nhưng Võ Chí T cũng không có bất kỳ ý kiến gì điều này chứng minh anh T cũng đã bỏ mặc cuộc hôn nhân này và cũng không tha thiết gì đến việc hàn gắn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Ngọc K.

[3] Về con chung: Chị K và anh T có 02 con chung là cháu

-Võ Thiên H, sinh ngày 08/7/2011.

-Võ Thiên P, sinh ngày: 31/01/2014.

Chị Phạm Thị Ngọc K có nguyện vọng được nuôi cháu Võ Thiên P, sinh ngày: 31/01/2014 và giao cháu Võ Thiên H, sinh ngày 08/7/2011 cho anh Võ Chí T chăm sóc giáo dục.

Xét thấy yêu cầu của chị K là phù hợp, vì cháu P cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ và cháu H có nguyện vọng được sống chung với bố nên yêu cầu của chị K cũng phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị K không có tài sản gì chung với anh T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Tòa án không đề cập đến.

[6] Về án phí: Chị K là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc K.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Phạm Thị Ngọc K và anh Võ Chí T.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Võ Thiên P, sinh ngày: 31/01/2014 cho chị Phạm Thị Ngọc K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Võ Thiên H, sinh ngày 08/7/2011 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc K phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai số 0000902 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh G. Chị K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Phổ T, huyện Đức P, tỉnh Q. (Giấy CNKH số 240 ngày 16/12/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Hồng